

Số: 34/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Điền, ngày 25 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn Q**, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: **xóm D, thôn X, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Chị **Hoàng Thị Tâm H**, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: **xóm B, thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị Tâm H** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/3/2019. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh Q, chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau trong một thời gian dài. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể khắc phục được nên anh Q và chị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị T H** xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung **Lê Hoàng Trường A**, sinh ngày 30/12/2019. Do cháu A còn nhỏ nên khi ly hôn anh Q và chị H thỏa thuận giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng

thành (đủ 18 tuổi). Anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, số tiền 3.000.000 đồng/tháng (*ba triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 03/2024 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị T H** xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị T H** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng anh **Q** và chị **H** thỏa thuận anh **Q** chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và anh đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000566 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 15 tháng 3 năm 2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị Tâm H**.

- Về nuôi con chung: Giao cháu **Lê Hoàng Trường A**, sinh ngày 30/12/2019 cho chị **Hoàng Thị T H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Lê Văn Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, số tiền 3.000.000 đồng/tháng (*ba triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 03/2024 cho đến khi cháu **A** trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*



- Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị T H** xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **Lê Văn Q** và chị **Hoàng Thị T H** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng anh **Q** và chị **H** thỏa thuận anh **Q** chịu toàn bộ lệ phí ly hôn của cả hai người là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và anh đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000566 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên được khấu trừ.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T T Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- THADS huyện Quảng Điền;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Phú Vang;  
(ĐKKH số 23 ngày 14/3/2019)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trương Quốc Công**